TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 577/2024/DS-ST
Ngày: 09-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm
2. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 về ‘‘Tranh chấp hợp đồng vay tài sản’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 526/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Ngọc D, sinh năm 1969

Địa chỉ : 187/10 đường Đ, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 001461; Quyển số: 03/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/3/2024): Bà Lâm Kim T, sinh năm 1998

Địa chỉ: 35 đường C, Phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958

Địa chỉ: 1700 đường H, Phường L, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 15/3/2024; Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 19/6/2024 của Nguyên đơn – bà Đoàn Thị Ngọc D (sau đây gọi là Nguyên đơn) cùng trình bày của bà Lâm Kim T là Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì: Ngày 08/01/2022, Nguyên

đơn có cho Bị đơn vay 500.000.000đ, thời hạn vay 5 tháng, giấy vay tiền không có lãi nhưng thực tế hai bên thỏa thuận lãi 3%/tháng. Nguyên đơn không có chồng, đến thời hạn trả tiền Bị đơn không trả nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

+ Buộc Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn tiền lãi quá hạn, tạm tính từ tháng 7/2022 đến tháng 07/2024, mức lãi 20%/năm là 312.500.000đ (Ba trăm mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

+ Buộc Bị đơn trả tiền lãi trên nợ gốc trong hạn từ ngày 08/01/2022 đến ngày 07/6/2022 là 5 tháng, mức lãi 20%/năm là 41.667.000đ (Bốn mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

+ Buộc Bị đơn trả tiền lãi trên nợ lãi, tính từ ngày 08/6/2022 đến nay (tạm tính đến ngày 19/7/2024), mức lãi 10%/năm là 8.680.000đ (Tám triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

Tổng tiền lãi Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả tạm tính đến ngày 19/7/2024 là 362.847.000đ. Tổng gốc và lãi là 862.847.000đ (Tám trăm sáu mươi hai triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn đồng), Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả ngay số nợ trên.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị P trình bày: Bị đơn vay mượn tiền Nguyên đơn từ năm 2017, thời điểm đó Bị đơn trả lãi 4%/tháng. Đến ngày 08/01/2022, Bị đơn còn nợ Nguyên đơn 500.000.000đ, giấy nợ là do Nguyên đơn viết Bị đơn chỉ ký và lăn tay xác nhận, hai bên không thỏa thuận lãi nên từ ngày 08/01/2022 đến nay Bị đơn không trả lãi cho Nguyên đơn. Với yêu cầu của Nguyên đơn, Bị đơn đồng ý trả 500.000.000đ nợ gốc nhưng phải về bàn bạc với gia đình mới có phương án trả cụ thể, Bị đơn xin không phải trả lãi. Chồng Bị đơn là ông Liêu Văn S (sinh năm 1957, chết năm 2020).

Tại phiên tòa, bà Lâm Kim T là Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn xin rút lại yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi trên nợ gốc trong hạn từ ngày 08/01/2022 đến ngày 07/6/2022, lãi 20%/năm số tiền 41.667.000đ và rút lại yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi trên nợ lãi từ ngày 08/6/2022 tạm tính đến ngày 07/6/2024, lãi 10%/năm số tiền 8.333.000đ. Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả 500.000.000đ nợ gốc và thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Bị đơn phải trả lãi quá hạn, yêu cầu Bị đơn phải trả Nguyên đơn tiền lãi 10%/năm, lãi từ ngày 08/6/2022 đến khi trả hết nợ, tạm tính đến ngày 09/8/2024 là 108.610.700đ. Tổng số tiền gốc, lãi Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả tạm tính đến ngày 09/8/2024 là 608.610.700đ, yêu cầu Bị đơn trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị P trình bày: Bị đơn xác nhận ngày 08/01/2022 có vay của Nguyên đơn 500.000.000đ, thời hạn vay 5 tháng, vay không có lãi. Bị đơn

chưa có phương án trả nợ gốc cho Nguyên đơn do phải chờ con gái đi làm ăn xa về cho tiền mới có phương án trả, Bị đơn xin không phải trả lãi cho Nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện ‘‘tranh chấp hợp đồng vay tài sản’’ do Bị đơn cư trú tại quận Tân Bình nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Thu là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có mặt; Bị đơn có mặt.

[4] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn phải trả 500.000.000đ nợ gốc và tiền lãi 10%/năm từ khi hết thời hạn vay cho đến khi trả hết nợ, tạm tính đến ngày 09/8/2024 là 108.610.700đ. Xét thấy:

Căn cứ Giấy vay tiền do Nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 08/01/2022 Bị đơn có vay của Nguyên đơn 500.000.000đ; Căn cứ thừa nhận của Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì Bị đơn xác nhận ngày 08/01/2022 có vay của Nguyên đơn 500.000.000đ.

Căn cứ quy định về nghĩa vụ của bên cho vay tại Khoản 1 Điều 465 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Nguyên đơn đã chứng minh được việc đã giao đầy đủ 500.000.000đ cho Bị đơn. Đến nay Bị đơn chưa trả tiền cho Nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả 500.000.000đ nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi: Căn cứ Giấy vay tiền ngày 08/01/2022, xác nhận của Bị đơn thể hiện thời hạn vay là 5 tháng, hợp đồng vay không có lãi.

Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015: "Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: "Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì thì được xác định bằng 50% mức lãi xuất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: ''Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm, của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực''.

Căn cứ các quy định của pháp luật nêu trên thì mức lãi suất được áp dụng là 10%/năm. Do đó, yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi 10%/năm của Nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Ngày 07/6/2022 là ngày hết thời hạn vay tiền nên ngày 08/6/2022 là ngày Bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho Nguyên đơn theo quy định, từ ngày 08/6/2022 đến ngày 09/8/2024 là 26 tháng 2 ngày. Tiền lãi được tính cụ thể như sau: 500.000.000đ x 10%/năm x 26 tháng 2 ngày = 108.611.120đ.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu Bị đơn phải trả 108.610.700đ tiền lãi là có lợi cho Bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Như vậy, đến ngày 09/8/2024 tổng số nợ gốc và lãi Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn là: 500.000.000đ + 108.610.700đ = 608.610.700đ.

[6] Xét việc rút yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi trên nợ gốc trong hạn từ ngày 08/01/2022 đến ngày 07/6/2022, lãi suất 20%/năm số tiền 41.667.000đ và rút yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi trên nợ lãi từ ngày 8/6/2022 tạm tính đến ngày 07/6/2024, lãi suất 10%/năm số tiền 8.333.000đ của Nguyên đơn.

Xét thấy: Việc rút yêu cầu của Nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 217, Khoản 3 Điều 218; Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ các yêu cầu này, trả lại Nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[8] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147; Khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trả lại Nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; điểm c Khoản 1 Điều 217, Khoản 3 Điều 218; Điều 227; Điều 244; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357; Điều 463; Khoản 1 Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm đ Khoản 1 Điều 12; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Đoàn Thị Ngọc D.

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị Ngọc D 608.610.700đ (Sáu trăm linh tám triệu sáu trăm mười ngàn bảy trăm đồng), bao gồm: 500.000.000đ nợ gốc và 108.610.700đ nợ lãi.

1.2 Đình chỉ yêu cầu của bà Đoàn Thị Ngọc D về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Phụng phải trả tiền lãi trên nợ gốc trong hạn từ ngày 08/01/2022 đến ngày 07/6/2022, mức lãi 20%/năm là 41.667.000đ (Bốn mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

1.3 Đình chỉ yêu cầu của bà Đoàn Thị Ngọc D về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Phụng phải trả tiền lãi trên nợ lãi, tính từ ngày 08/6/2022 đến ngày 19/7/2024, mức lãi 10%/năm là 8.680.000đ (Tám triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

2/ Thời hạn và phương thức trả: Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3/ Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

4/ Kể từ ngày bà Đoàn Thị Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Đoàn Thị Ngọc D 13.666.000đ (Mười ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001576 ngày 08/4/2024 và 6.667.500đ (Sáu triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002005 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7/ Về quyền kháng cáo: Bà Đoàn Thị Ngọc D, bà Nguyễn Thị P được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

8/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương